

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **83 /2018/HS-PT**

Ngày: 17/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Ông **Trần Hữu Viên**.

Ông **Lê Thành Trung**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 87/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Đức A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2018/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức A - Sinh năm 1997. Trú tại: Thôn A1 (hoặc thôn A2), xã A3, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Kim A4 và bà Võ Thị Thu A5; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trường C - Sinh năm 1997. Trú tại: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn C4 và bà Nguyễn Thị Hồng C4. Tiền án: Bản án số **236/2014/HSPT** ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 15 tháng tù về tội "*Cướp giật tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2015. Bản án số **44/2016/HSST** ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C3, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2017. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017, đến ngày 25/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức D - Sinh năm 1996. Trú tại: Tổ dân phố D1, thị trấn C3, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đức D2 và bà Nguyễn Thị D3. Tiền án: Bản án số **44/2016/HSST** ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C3, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 08 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2016. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017, đến ngày 25/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Minh Đ - Sinh năm 1998. Trú tại: Thôn Đ1, xã C2, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Mạnh Đ2 và bà Võ Thị Đ3. Tiền án: Bản án số **44/2016/HSST** ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C3, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2017. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017, đến ngày 25/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Ngọc E - Sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 9, thôn E1, xã E2, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Thợ xăm; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; con ông Phạm Ngọc E3 và bà Dương Thị Thùy E4; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số **232/2012/HSST** ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 15 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2013. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Ngọc G - Sinh năm 1994. Trú tại: Số 115/21 G1, phường G2, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; con ông Lê Ngọc G3 và bà Nguyễn Thị Thùy G4; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số **137/2011/HSPT** ngày 16/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 24 tháng tù về tội "*Cướp giật tài sản*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2012. Bản án số **26/2013/HSST** ngày 12/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2014. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 16/9/2017, Nguyễn Đức A, Lê Ngọc G, Phạm Ngọc E lên mạng xã hội Facebook nhắn tin bình luận và kinh cãi, thách thức với người có nickname là H (tên thật là Nguyễn Thiện H1) đến cổng thôn I, xã A3, thành phố B để đánh nhau. Lúc này, A chuẩn bị 05 cây mìn và gọi điện cho

Nguyễn Trường C rủ C đi đánh nhau, C đồng ý. C chuẩn bị 02 cây rựa rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Đặng Quốc K đi cùng để giúp A thì tất cả đồng ý. Cả nhóm tập trung tại công khu công nghiệp I, xã A3, thành phố B (trên quốc lộ 1A). Tại đây, E điều khiển xe mô tô hiệu Airblade (không rõ biển số) chở A và G mỗi người cầm 01 cây mác; D điều khiển xe mô tô Exciter BKS 79D1-408.47 chở C cầm 01 cây rựa; K điều khiển xe mô tô BKS 79F9-0102 chở Đ cầm 01 cây rựa cùng nhau đi tìm nhóm H1 để đánh.

Khi đi đến công thôn I, xã A3, thành phố B thì thấy anh Nguyễn Xuân L và Nguyễn Xuân M đang ngồi ở lề đường. A, G, C, Đ nhảy xuống xe xông vào đánh anh L và anh M. Anh L và anh Thành bỏ chạy. A đuổi theo anh L, rồi dùng mác chém trúng lưng anh L, làm anh L ngã xuống ruộng. A nhảy xuống ruộng tiếp tục dùng mác chém nhiều nhát vào tay anh L. G cũng cầm mác đuổi chém anh L nhưng bị hụt, nên G và E đuổi theo chém anh M nhưng không đuổi kịp.

Sau khi chém anh L bất tỉnh, A, G, E, C, K, Đ, D điều khiển xe máy đi theo Quốc lộ 1A hướng lên ngã 3 Nhà máy sợi rồi quay lại thì thấy anh Trần Quốc N đang dựng xe máy BKS 49T9-9323 gần chỗ anh L bị chém. Tưởng anh N là đồng bọn của anh L nên xông vào đuổi đánh anh N nhưng anh N chạy bộ thoát, còn xe máy của anh N bị A, C, K, Đ dùng mác, rựa, đá làm hư hỏng. Sau đó, cả bọn lên xe bỏ đi. Anh L được anh M và người dân đưa đi bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa cấp cứu.

Ngày 13/10/2017, anh Nguyễn Xuân L có đơn yêu cầu khởi tố.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 229/TgT ngày 25/10/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Nguyễn Xuân L: Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay phải; đã được phẫu thuật; hiện tại ổn định và để lại 01 vết sẹo có kích thước lớn. Tỷ lệ thương tật 21%; Gãy xương trụ phải, đã được phẫu thuật, hiện tại ổn định và để lại 01 vết sẹo có kích thước trung bình, sẹo khô tốt. Tỷ lệ thương tật 08%; 02 vết sẹo: vùng bàn tay phải và vùng gối phải, sẹo có kích thước nhỏ, khô tốt. Tỷ lệ thương tật 02%; Thực hiện nguyên tắc cộng lùi: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 29%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 448 ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B xác định: Giá trị xe máy FAIRY biển kiểm soát 49T9-9323 là **1.200.000đ**.

Tại Bản án số 93/2018/HS-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 136, 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G; Áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Đức A; Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Minh Đ. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức A 03 năm tù**, thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường C 03 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2017; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức D 02 năm 06 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2017; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ 02 năm 06 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2017; Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc E 02 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018; Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc G 02 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018. Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Vào các ngày từ 21 đến 27/4/2018, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Lê Ngọc G, Phạm Ngọc E, Nguyễn Đức A đều có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Đặng Quốc K bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đã tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G đều đã khai nhận hành vi mà các bị cáo thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng hơn 22 giờ 00 ngày 16/9/2017, tại công thôn I, thành phố B, mặc dù không quen biết và không có mâu thuẫn gì nhưng các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G đã dùng hung khí chém gây thương tích cho anh Nguyễn Xuân L với tỷ lệ thương tật qua giám định là 29%. Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử và xử phạt các bị cáo đều về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của các bị cáo diễn ra và thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của bộ luật hình sự năm 2015 thì mức hình phạt thấp hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và quy định khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015. Nhưng khi áp dụng, Tòa án nhân dân thành phố B đã không thể hiện việc áp dụng điểm cụ thể nào của khoản 2 Điều 134 đối với từng bị cáo; Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện áp dụng song song các quy định của Bộ luật hình sự 1999 và Bộ luật hình sự 2015 là chưa đúng, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không hề quen biết và mâu thuẫn nhưng vẫn dùng hung khí nguy hiểm là mác, rựa chém gây thương tích cho người bị hại, hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ hung hãn. Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ là tái phạm; Riêng bị cáo Nguyễn Trường C đã tái phạm, chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Xét thấy, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và quá trình tranh tụng tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G đều phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trường C.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A (A con) 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường C (Ba Láu) 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 25/5/2018.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 25/5/2018.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ (Nhí) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 25/5/2018.

- **Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc E (Út nhóc) 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018.

- **Xử phạt bị cáo Lê Ngọc G (G héo) 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 09/4/2018.

3. Các bị cáo Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Minh Đ, Phạm Ngọc E, Lê Ngọc G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. B;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long